

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 4 - 2024
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Huyền;
- Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 2 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024, ngày 20/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; sinh năm 2001; trú tại: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm Phong T1; sinh năm 2000; trú tại: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Phạm Phong T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng, năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 ham chơi, không quan tâm gia đình, khi chị T khuyên bảo thì anh T1 nổi cáu, đánh, chửi chị T. chị T sinh con được khoảng 01 tháng thì anh T1 bị bắt và Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt tù, đến tháng 4/2023 anh T1 được về nhà, song anh T1 vẫn ham chơi, không tu trí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, Chị T và con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh Nguyễn Phạm Phong T1.

Về con chung: Chị T và Anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/12/2020, khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bảo A và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án,

Anh Phạm Phong T1 mặc dù đã được thông báo và triệu tập nhiều lần song không có ý kiến cũng như không tham gia phiên hòa giải.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Phạm Phong T1, đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/12/2020, tuy nhiên do anh T1 thu nhập không ổn định do vậy chị T chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình sau khi tóm tắt, phân tích vụ án trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa, do vậy xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị:

Xử: Cho Chị Bùi Thị T ly hôn anh Nguyễn Phạm Phong T1; giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/12/2020 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Phạm Phong T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Chị T, anh T1 có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi con chung theo quy định. Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Tòa nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Chị Bùi Thị T và bị đơn anh Nguyễn Phạm Phong T1 cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, do đó việc Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn thụ lý đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn của chị T, anh T1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị T thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Anh Nguyễn Phạm Phong T1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm a, b Khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phạm Phong T1.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Phạm Phong T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chị T, anh T1 chung sống cùng với bố, mẹ đẻ anh T1, sau kết hôn anh T1 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 12/2021 anh T1 đi chấp hành hình phạt 15 tháng tù, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh T1 vẫn không quan tâm đến gia đình, chị T thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên đã đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị T và Anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/12/2020, hiện cháu Bảo A còn nhỏ và đang sinh sống với chị T do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, chấp nhận đề nghị của chị T giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị T do vậy cần chấp nhận.

Chị T, anh T1 có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có và không đề nghị nên không đề cập giải quyết.

[5] . Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phạm Phong T1.

- Về con chung: Giao chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/12/2020 cho đến khi trưởng thành (đủ

18 tuổi). Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Nguyễn Phạm Phong T1 cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A.

Anh Nguyễn Phạm Phong T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Phạm Phong T1 có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001005 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Phạm Phong T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THA Dân sự huyện Lương Sơn;
- UBND xã L, huyện LS;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trường Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền Nguyễn Thị Thu Hà

Vũ Trường Giang